

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 902/QĐ-ĐHYD ngày 11 tháng 02 năm 2026 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế)

A. THÔNG TIN CHUNG

- | | |
|--|------------------------------|
| 1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt) | : Kỹ thuật hình ảnh y học |
| 2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh) | : Medical Imaging Technology |
| 3. Trình độ đào tạo | : Đại học |
| 4. Định hướng đào tạo | : Nghề nghiệp |
| 5. Mã ngành đào tạo | : 7720602 |
| 6. Thời gian đào tạo | : 2 năm |
| 7. Loại hình đào tạo | : Liên thông vừa làm vừa học |

B. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học có ý thức; có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học ở trình độ đại học; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên/học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm:

• Kiến thức

PO.01. Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về ngoại ngữ, cơ sở ngành để vận dụng trong lĩnh vực kỹ thuật hình ảnh y học.

PO.02. Giúp người học vận dụng kiến thức chuyên ngành và kiến thức tự chọn của ngành kỹ thuật hình ảnh y học trong xây dựng, tổ chức và thực hành nghề nghiệp.

• Kỹ năng

PO.03. Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kỹ thuật hình ảnh y học phù hợp với những tình huống khác nhau.

PO.04. Có kỹ năng tự nghiên cứu và khám phá kiến thức về kỹ thuật hình ảnh y học, tự phát triển chuyên môn liên tục.

PO.05. Có kỹ năng tư duy hệ thống, giao tiếp, làm việc nhóm và hợp tác liên ngành.

PO.06. Thực hiện được các kỹ năng nghề nghiệp một cách an toàn và hiệu quả.

• Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO.07. Hình thành tinh thần tự chủ và trách nhiệm để không ngừng hoàn thiện bản thân, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, phát triển nghề nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	Kiến thức	
PLO1	Áp dụng được các kiến thức nền tảng về ngoại ngữ, cơ sở ngành để vận dụng trong lĩnh vực kỹ thuật hình ảnh.	III
PI1.1.	Đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 (đối với trình độ đại học) hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và theo Quy định chung của Đại học Huế.	IV
PI1.2.	Áp dụng được các kiến thức về y học cơ sở, trong việc giải quyết các	III

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
	vấn đề thuộc ngành kỹ thuật hình ảnh y học.	
PLO2	Áp dụng được các kiến thức chuyên ngành kỹ thuật hình ảnh y học trong thực hành nghề nghiệp.	III, IV
PI2.1.	Giải thích được những kiến thức về nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học, các kỹ thuật ghi nhận và lưu giữ hình ảnh trong y học.	III
PI2.2.	Nhận định và giải thích được bất thường hình ảnh dựa trên kiến thức về giải phẫu X quang thường quy, hình ảnh cắt lớp và các triệu chứng học hình ảnh cơ bản.	III
PI2.3.	Vận hành và bảo quản được các trang thiết bị X quang, cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ, siêu âm, y học hạt nhân và xạ trị, điện quang can thiệp. Nắm vững nguyên tắc an toàn bức xạ trong y học.	IV
PI2.4.	Áp dụng được các kiến thức về y học cơ sở, Cấp cứu đa khoa, Nội soi cơ bản.	III
2.	Kỹ năng	
PLO3	Vận dụng được kiến thức thực tập và tốt nghiệp trong các hoạt động chuyên môn về kỹ thuật hình ảnh y học và nghiên cứu khoa học.	III
PI3.1.	Áp dụng các kiến thức Thực hành bệnh viện, Thực tế nghề nghiệp trong xử lý vấn đề và thực hiện chức năng nghề nghiệp một cách độc lập	III
PI3.2.	Áp dụng các kiến thức tốt nghiệp tổng hợp trong các hoạt động chuyên môn về kỹ thuật hình ảnh y học và nghiên cứu khoa học	III
PLO4	Đưa ra quyết định chăm sóc và giải quyết vấn đề dựa trên nhận định, phân tích, và phản biện phù hợp với từng bệnh lý.	III
PI4.1.	Thực hiện kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh hằng ngày với khả năng tư duy phản biện có hệ thống phù hợp với những tình huống khác nhau.	III
PI4.2.	Giải quyết vấn đề và sử dụng các kỹ thuật hình ảnh thay thế phù hợp với những điều kiện môi trường, con người thay đổi.	III
PLO5	Ứng dụng được kiến thức nghiên cứu khoa học vào trong học tập, thực hành kỹ thuật hình ảnh.	III, IV
PI5.1.	Trình bày được những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng trong thực hành kỹ thuật hình ảnh y học.	III
PI5.2.	Tiến hành được nghiên cứu khoa học và áp dụng các bằng chứng khoa học vào công tác chăm sóc, thực hành kỹ thuật hình ảnh y học.	IV
PI5.3.	Tham gia xây dựng chương trình, lập kế hoạch tổ chức đào tạo nâng cao trình độ cho đồng nghiệp.	III
PI5.4.	Tham gia đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng kỹ thuật thích ứng với môi trường làm việc.	III
PLO6	Giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm, hợp tác liên ngành.	IV
PI6.1.	Giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp nhằm thúc đẩy mối quan hệ giữa các cá nhân và các nhóm liên ngành.	IV
PI6.2.	Làm việc độc lập, thực hiện tốt y lệnh, làm việc nhóm hiệu quả với các thành viên khác trong hệ thống chăm sóc sức khỏe.	IV
PI6.3.	Sử dụng hiệu quả các kênh truyền thông, phương tiện nghe nhìn trong giao tiếp và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình người bệnh, cộng đồng.	IV
PLO7	Xây dựng kế hoạch, tổ chức, tham gia thực hiện các công việc	III

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
	liên quan đến công tác thực hành nghề nghiệp một cách an toàn, hiệu quả.	
PI7.1.	Tiến hành các kỹ thuật X quang thông thường và các kỹ thuật X quang có dùng thuốc cản quang, cắt lớp trên máy chụp cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ.	III
PI7.2.	Phân tích được chất lượng hình ảnh và phát hiện các bất thường trên hình ảnh/phim.	III
PI7.3.	Thực hiện được quy trình chuẩn bị bệnh nhân, chuẩn bị phương tiện dụng cụ trong một số kỹ thuật điện quang can thiệp cơ bản, các kỹ thuật cơ bản trong y học hạt nhân và xạ trị.	III
PI7.4.	Tham gia tổ chức và quản lý được một khoa chẩn đoán hình ảnh theo quy định.	III
PI7.5.	Tham gia đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia truyền thông và giáo dục sức khỏe cộng đồng.	III
3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO8	Thực hành nghề nghiệp với tinh thần tự chủ, trách nhiệm cá nhân, có đạo đức nghề nghiệp, tác phong chuyên nghiệp và hành nghề theo pháp luật.	III
PI8.1.	Thể hiện tinh thần phục vụ, trách nhiệm công dân và khả năng thích nghi với môi trường học tập và làm việc đa dạng.	III
PI8.2.	Tôn trọng và tuân thủ các quy định của pháp luật, quy tắc an toàn trong môi trường lao động, chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe.	III
PI8.3.	Chịu trách nhiệm đến các quyết định và kết quả liên quan đến quá trình cung cấp các dịch vụ chăm sóc cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.	III
PI8.4.	Thể hiện năng lực tự học, học tập liên tục, suốt đời để duy trì, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, và tham gia các hoạt động của tổ chức nghề nghiệp, đóng góp vào việc nâng cao vai trò và vị thế của ngành kỹ thuật hình ảnh y học.	III

Ghi chú:

Trình độ năng lực	Mức độ đối với nhóm thang đo kiến thức (Bloom, 2001)	Mô tả
I	Nhớ	Có khả năng tìm kiếm và nhớ
II	Hiểu	Có hiểu biết/có thể tham gia
III	Vận dụng	Có khả năng vận dụng
IV	Phân tích	Có khả năng phân tích
V	Đánh giá	Có khả năng đánh giá
VI	Sáng tạo	Có khả năng sử dụng thông tin để sáng tạo cái mới

3. Đối tượng tuyển sinh (Chuẩn đầu vào)**3.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức)**

Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng và chứng chỉ hành nghề đúng theo ngành/chuyên ngành tuyển sinh.

3.2. Đối tượng dự tuyển quy định phải đáp ứng các điều kiện sau

a) Đạt ngưỡng đầu vào

Thí sinh phải đạt một trong những tiêu chí sau:

+ Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên;

+ Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

+ Tốt nghiệp cao đẳng đạt loại giỏi trở lên;

+ Tốt nghiệp trình độ cao đẳng đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

Căn cứ Quyết định số 1277/QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Huế.

Căn cứ Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ.

Căn cứ Quyết định số 5129/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

5. Cấu trúc của chương trình đào tạo

Stt	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐVTC	Phân bố	
				LT	TH
I		Kiến thức cơ sở ngành	7	7	0
1	ĐHH-AI01	Nhập môn công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và ứng dụng	3	3	0
2	602CD.DHF.1.01.2	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	2	0
3	602CD.SLY.1.01.2	Giải phẫu - Sinh lý	2	2	0
II		Kiến thức chuyên ngành	40	20	20
4	602CD.CDH.2.01.3	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học	3	2	1
5	602CD.CDH.2.02.2	Triệu chứng học hình ảnh	2	1	1
6	602CD.CDH.2.03.2	Kỹ thuật X-quang đặc biệt	2	1	1
7	602CD.CDH.2.04.2	Các kỹ thuật ghi nhận và lưu giữ hình ảnh	2	1	1
8	602CD.CDH.2.05.3	Giải phẫu hình ảnh cắt lớp	3	2	1
9	602CD.CDH.2.06.3	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	3	2	1
10	602CD.CDH.2.07.3	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ	3	2	1
11	602CD.UBU.2.01.2	Y học hạt nhân và xạ trị	2	1	1
12	602CD.CDH.2.08.2	Kỹ thuật siêu âm	2	1	1
13	602CD.CDH.2.09.2	An toàn bức xạ và bảo quản trang thiết bị y tế	2	2	0
14	602CD.CDH.2.10.3	Điện quang can thiệp	3	2	1
15	602CD.CDH.2.11.4	Thực hành bệnh viện	4	0	4

Stt	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐVTC	Phân bố	
				LT	TH
16	602CD.CDH.2.15.2	Kỹ thuật hình ảnh cập nhật	2	1	1
17	602CD.CCK.2.01.2	Cấp cứu đa khoa	2	1	1
18	602CD.NOI.2.01.2	Nội soi cơ bản	2	1	1
19	602CD.CDH.2.16.3	Thực tế nghề nghiệp	3	0	3
III		Tốt nghiệp	4	2	2
20	602CD.PDH.3.01.2	Lý thuyết	2	2	0
21	602CD.PDH.3.02.2	Thực hành	2	0	2
		Tổng cộng	51	29	22

6. Cách thức đánh giá

Căn cứ Phụ lục 1 Quy định kiểm tra, đánh giá học phần ban hành kèm theo Quyết định số 5129/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

7. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra

Stt	Năm học	Chuẩn đầu ra	KIẾN THỨC		KỸ NĂNG					NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM
		Học phần	P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	PLO 8
I		Kiến thức cơ sở ngành								
1	1	Nhập môn công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và ứng dụng	X	X			X	X		X
2	1	Ngoại ngữ chuyên ngành	X	X			X	X		X
3	1	Giải phẫu - Sinh lý	X	X	X	X			X	X
II		Kiến thức chuyên ngành								
4	1	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học		X	X				X	X
5	1	Triệu chứng học hình ảnh		X	X	X				
6	1	Kỹ thuật X-quang đặc biệt	X	X	X	X	X	X	X	X
7	1	Các kỹ thuật ghi nhận và lưu giữ hình ảnh		X				X	X	X
8	1	Giải phẫu hình ảnh cắt lớp		X				X		X
9	2	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính		X	X	X	X	X	X	X
10	2	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ		X		X	X	X	X	X
11	1	Y học hạt nhân và xạ trị		X	X	X			X	x
12	2	Kỹ thuật siêu âm		X		X			X	
13	2	An toàn bức xạ và bảo quản trang thiết bị y tế		X		X				X
14	2	Điện quang can thiệp		X	X			X	X	X
15	2	Thực hành bệnh viện	X	X	X	X	X	X	X	X
16	2	Kỹ thuật hình ảnh cập nhật	X	X	X		X	X	X	X
17	1	Cấp cứu đa khoa		X			X	X		X

Stt	Năm học	Chuẩn đầu ra	KIẾN THỨC		KỸ NĂNG					NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM
		Học phần	P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	PLO 8
18	1	Nội soi cơ bản		X		X		X		X
19	2	Thực tế nghề nghiệp			X	X	X	X	X	X
III		Tốt nghiệp								
20	2	Lý thuyết			X	X	X	X	X	X
21	2	Thực hành			X	X	X	X	X	X

8. Kế hoạch đào tạo

TT	Tên môn học/ học phần	TSTC	HK1	HK2	HK3	HK4
I	Kiến thức cơ sở ngành	7				
1	Nhập môn công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và ứng dụng	3	X			
2	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	X			
3	Giải phẫu - Sinh lý	2	X			
II	Kiến thức chuyên ngành	40				
4	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học	3	X			
5	Triệu chứng học hình ảnh	2		X		
6	Kỹ thuật X-quang đặc biệt	2			X	
7	Các kỹ thuật ghi nhận và lưu giữ hình ảnh	2		X		
8	Giải phẫu hình ảnh cắt lớp	3		X		
9	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	3			X	
10	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ	3			X	
11	Y học hạt nhân và xạ trị	2		X		
12	Kỹ thuật siêu âm	2			X	
13	An toàn bức xạ và bảo quản trang thiết bị y tế	2	X			
14	Điện quang can thiệp	3				X
15	Thực hành bệnh viện	4				X
16	Kỹ thuật hình ảnh cập nhật	2			X	
17	Cấp cứu đa khoa	2		X		
18	Nội soi cơ bản	2		X		
19	Thực tế nghề nghiệp	3				X
III	Tốt nghiệp	4				
20	Lý thuyết	2				X
21	Thực hành	2				X

9. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Khoa/Bộ môn
1	Phan Thị Thanh Hương	BM CDHA
2	Hoàng Ngọc Thành	BM CDHA
3	Trần Thị Sông Hương	BM CDHA
4	Hà Thị Hiền	BM CDHA
5	Hoàng Thị Ngọc Hà	BM CDHA
6	Lê Minh Tuấn	BM CDHA
7	Nguyễn Công Quỳnh	BM CDHA
8	Nguyễn Anh Tuấn	BM CDHA
9	Lê Văn Ngọc Cường	BM CDHA
10	Lê Trọng Bình	BM CDHA
11	Ngô Đắc Hồng Ân	BM CDHA
12	Nguyễn Thảo Vân	BM CDHA
13	Trần Hồng Phương Dung	BM CDHA
14	Văn Nữ Thùy Linh	BM CDHA
15	Hoàng Trung Hiếu	BM CDHA
16	Đặng Cẩm Nhung	BM CDHA
17	Đặng Quang Hùng	BM CDHA
18	Tôn Thất Nam Anh	BM CDHA
19	Nguyễn Thanh Thảo	BM CDHA
20	Trần Vũ Huân	BM GMHS&CC
21	Phan Thắng	BM GMHS&CC
22	Bùi Thị Thương	BM GMHS&CC
23	Võ Việt Hà	BM GMHS&CC
24	Trần Xuân Thịnh	BM GMHS&CC
25	Bùi Thị Thuý Nga	BM GMHS&CC
26	Lê Văn Long	BM GMHS&CC
27	Nguyễn Khánh Huy	BM GMHS&CC
28	Trần Thị Thu Lành	BM GMHS&CC
29	Phạm Thị Minh Thư	BM GMHS&CC
30	Lê Văn Tâm	BM GMHS&CC
31	Nguyễn Văn Minh	BM GMHS&CC
32	Nguyễn Hữu Trí	BM GP-PTTH
33	Nguyễn Bá Lưu	BM GP-PTTH
34	Nguyễn Thành Phúc	BM GP-PTTH
35	Nguyễn Hoàng	BM GP-PTTH
36	Nguyễn Thị Thuý Hằng	BM Sinh lý
37	Phan Trung Nam	BM Sinh lý
38	Bùi Mạnh Hùng	BM Sinh lý
39	Nguyễn Hải Quý Trâm	BM Sinh lý

STT	Họ và tên	Khoa/Bộ môn
40	Nguyễn Thị Hiếu Dung	BM Sinh lý
41	Hoàng Thị Mai Thanh	BM Sinh lý
42	Phùng Phương	BM Ung bướu
43	Nguyễn Văn Cầu	BM Ung bướu
44	Nguyễn Trần Thúc Huân	BM Ung bướu
45	Hồ Xuân Dũng	BM Ung bướu
46	Lê Thanh Huy	BM Ung bướu
47	Hoàng Hữu	BM Ung bướu
48	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	BM Ung bướu
49	Nguyễn Thị Thủy	BM Ung bướu
50	Hà Thanh Thanh	BM Ung bướu
51	Nguyễn Minh Hoa	Khoa Cơ bản
52	Nguyễn Đức Tùng	Khoa Cơ bản
53	Đỗ Quang Tâm	Khoa Cơ bản
54	Nguyễn Ngọc Huy	Khoa Cơ bản
55	Nguyễn Thanh Tùng	Khoa Cơ bản
56	Nguyễn Quang Mẫn	Khoa Cơ bản
57	Huỳnh Minh Sơn	Khoa Cơ bản
58	Nguyễn Vĩnh Phú	Khoa Cơ bản
59	Võ Thị Tuyết Vi	Khoa Cơ bản
60	Ngô Thị Thuận	Khoa Cơ bản